

Cần Thơ, ngày 18 tháng 6 năm 2026.

THÔNG BÁO
CHỈ ĐỊNH-CHỐNG CHỈ ĐỊNH-CÁCH DÙNG-LIỀU DÙNG
NHÓM THUỐC CHỐNG DỊ ỨNG VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ MÃN
2025-2027

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
1	Alimemazin (dưới dạng Alimemazin tartrat)-5mg	Thelizin	Viên	- Dị ứng hô hấp (viêm mũi, hắt hơi, sổ mũi) và ngoài da (mày đay, ngứa). - Người lớn: Điều trị chứng mất ngủ thường xuyên hoặc thoáng qua. - Trẻ em > 6 tuổi: Điều trị ưu tiên hai trong điều trị chứng mất ngủ liên tục trong thời gian ngắn liên quan đến trạng thái tăng kích thích (tăng cảnh giác liên quan đến lo âu trước khi đi ngủ), sau khi các biện pháp thay đổi hành vi không hiệu quả.	- Cá nhân hoặc gia đình có tiền sử bệnh tăng nhãn áp cấp tính. - Rối loạn niệu đạo tuyến tiền liệt có nguy cơ bí tiểu. - Tiền sử mất bạch cầu hạt với các phenothiazin khác. - Tiền sử hội chứng ác tính thần kinh. - Người bệnh và hội chứng Parkinson. - Trẻ em < 6 tuổi.	*Cách dùng: Dùng đường uống. *Liều dùng: Người lớn và thanh thiếu niên > 6 tuổi: Uống 1 viên vào buổi tối, trước khi đi ngủ từ 15-30 phút. - Người lớn: 5-10mg (1-2 viên), liều tối đa 20mg (4 viên). - Trẻ em > 6 tuổi (cân nặng > 20kg): 0,25-0,50mg/kg. + Trẻ em từ 20-40kg (6-10 tuổi): 1 viên. + Trẻ em từ 40-50kg (10-15 tuổi): 1-2 viên. <i>Nên điều trị trong khoảng thời gian ngắn (2-5 ngày). Nếu tình trạng mất ngủ kéo dài vượt quá thời gian (2-5 ngày) nên đánh giá lại điều trị.</i>

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng																		
2	Cetirizin dihydroclorid- 10mg	Kacerin	Viên	- Giảm các triệu chứng về mũi và mắt của viêm mũi dị ứng theo mùa và viêm mũi dị ứng quanh năm. - Giảm triệu chứng của mày đay.	Suy thận nặng có độ thanh thải creatinin < 10ml/phút.	*Cách dùng: Dùng đường uống. *Liều dùng: Liều thông thường: 10mg (1viên)/lần/ngày. Liều điều chỉnh cho bệnh nhân người lớn suy thận: <table><tr><th>Nhóm</th><th>Độ thanh thải creatinin (ml/phút)</th><th>Liều lượng</th></tr><tr><td>Bình thường</td><td>≥ 80</td><td>10mg/lần/ngày</td></tr><tr><td>Nhẹ</td><td>50-79</td><td>10mg/lần/ngày</td></tr><tr><td>Trung bình</td><td>30-49</td><td>5mg/lần/ngày</td></tr><tr><td>Nặng</td><td>< 30</td><td>5mg/lần mỗi 2 ngày</td></tr><tr><td>Bệnh nhân giai đoạn cuối- bệnh nhân đang thẩm tách</td><td>< 10</td><td>Chống chỉ định</td></tr></table> Trẻ em từ 6-12 tuổi: 5mg (½ viên) x 2 lần/ngày. Thanh thiếu niên >12 tuổi: 10mg (1 viên)/lần/ngày. Trẻ em > 6 tuổi bị suy gan: Liều khuyến cáo 5mg/lần/ngày. Bệnh nhân suy gan: Liều khuyến cáo ở người lớn 5mg/lần/ngày. Trẻ em < 6 tuổi không khuyến cáo sử dụng.	Nhóm	Độ thanh thải creatinin (ml/phút)	Liều lượng	Bình thường	≥ 80	10mg/lần/ngày	Nhẹ	50-79	10mg/lần/ngày	Trung bình	30-49	5mg/lần/ngày	Nặng	< 30	5mg/lần mỗi 2 ngày	Bệnh nhân giai đoạn cuối- bệnh nhân đang thẩm tách	< 10	Chống chỉ định
Nhóm	Độ thanh thải creatinin (ml/phút)	Liều lượng																						
Bình thường	≥ 80	10mg/lần/ngày																						
Nhẹ	50-79	10mg/lần/ngày																						
Trung bình	30-49	5mg/lần/ngày																						
Nặng	< 30	5mg/lần mỗi 2 ngày																						
Bệnh nhân giai đoạn cuối- bệnh nhân đang thẩm tách	< 10	Chống chỉ định																						
3	Cinnarizin-25mg	Cinnarizin	Viên	- Phòng say tàu xe. - Rối loạn tiền đình như chóng mặt, ù tai, buồn nôn, nôn trong bệnh Ménière. - Rối loạn mạch não và mạch ngoại vi khác.	Rối loạn chuyển hóa porphyrin.	*Cách dùng: Dùng đường uống. Nên uống sau bữa ăn. *Liều dùng: Phòng say tàu xe: - Người lớn uống 25mg, 2 giờ trước khi đi tàu xe. - Trẻ em 5-12 tuổi: ½ liều người lớn. Rối loạn tiền đình: - Người lớn uống 25mg x 3 lần/ngày. - Trẻ em 5-12 tuổi: ½ liều người lớn. Rối loạn mạch não: 75mg/lần/ngày. Rối loạn mạch ngoại vi: 75mg x 2-3 lần/ngày.																		

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liệu dùng
4	Chlorpheniramine maleate- 4mg	Clorpheniramin KP 4mg	Viên	Kiểm soát các triệu chứng dị ứng có đáp ứng với histamin: - Viêm mũi dị ứng. - Mày đay. - Viêm mũi vận mạch. - Phù mạch. - Dị ứng với thực phẩm. - Phản ứng với thuốc và huyết thanh. - Côn trùng cắn. - Giảm ngứa trong bệnh thủy đậu.	- Người bệnh đang con hen cấp. - Người bệnh có triệu chứng phì đại tuyến tiền liệt. - Glaucom góc hẹp. - Bí tiểu tiện. - Hẹp môn vị. - Người cho con bú. - Trẻ sơ sinh và trẻ thiếu tháng. - Chế phẩm điều trị ho, cảm lạnh cho trẻ em < 2 tuổi.	*Cách dùng: Dùng đường uống. *Liều dùng: - Người lớn và trẻ em > 12 tuổi: Uống 4mg cách 4-6 giờ/lần. Tối đa 24mg/ngày (người cao tuổi tối đa 12mg/ngày). - Trẻ em từ 6-12 tuổi: 2mg cách 4-6 giờ/lần. Tối đa 12mg/ngày.
5	Desloratadin-5mg	Desloratadin	Viên	Chỉ định ở người lớn, thanh thiếu niên > 12 tuổi làm giảm các triệu chứng: - Viêm mũi dị ứng. - Nổi mày đay.		*Cách dùng: Dùng đường uống. Có thể uống cùng hoặc không cùng bữa ăn. *Liều dùng: Viêm mũi dị ứng và mày đay: Người lớn và thanh thiếu niên > 12 tuổi: Uống 1 lần/ngày.
6	Ebastin-10mg	Atirin 10	Viên	Điều trị các triệu chứng: - Viêm mũi dị ứng theo mùa hoặc viêm mũi dị ứng quanh năm. - Nổi mày đay.	Suy gan nặng.	*Cách dùng: Dùng đường uống. Không phụ thuộc vào bữa ăn. *Liều dùng: Viêm mũi dị ứng theo mùa hoặc viêm mũi dị ứng quanh năm: 10-20mg/lần/ngày. Nổi mày đay: 10mg/lần/ngày. Trẻ em < 12 tuổi an toàn và hiệu quả chưa được thiết lập.

Stt	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liều dùng
7	Fexofenadin hydroclorid- 60mg	Fefasdin 60	Viên	Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em trên 6 tuổi.		*Cách dùng: Uống trước bữa ăn. Không uống với nước hoa quả. *Liều dùng: - Người lớn và trẻ em > 12 tuổi: Liều thông thường uống 1 viên x 2 lần/ngày. - Trẻ em từ 6-11 tuổi: ½ viên x 2 lần/ngày. - Người già và suy thận + Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và người lớn bị suy thận, người già: 1 viên/lần/ngày, điều chỉnh liều theo chức năng thận. + Trẻ em từ 6-11 tuổi: ½ viên/lần/ngày.
8	Fexofenadin hydroclorid- 120mg	Fexofenaderm 120 mg	Viên	Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng, viêm mũi dị ứng theo mùa hoặc mày đay ở người lớn và trẻ em > 12 tuổi.		*Cách dùng: Uống trước bữa ăn. *Liều dùng: Viêm mũi dị ứng: Liều khuyến cáo 60mg x 2 lần/ngày. Viêm mũi dị ứng theo mùa: Liều khuyến cáo 120mg/lần/ngày hoặc 180mg/lần/ngày. Mày đay: Liều khuyến cáo 180mg/ngày.

Stt	Tên hoạt chất/thành phần được liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liệu dùng																																				
9	Fexofenadin hydroclorid- 30mg/5ml	A.T Fexofenadin	Gói	Điều trị triệu chứng viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em trên 6 tháng tuổi.		*Cách dùng: Dùng đường uống. Không uống với nước hoa quả. *Liều dùng: Đối với quy cách gói 5ml <table><tr><th>Tuổi</th><th>Liều dùng theo mg</th><th>Liều dùng theo gói 5ml</th></tr><tr><td colspan="3">Viêm mũi dị ứng</td></tr><tr><td>Người lớn và trẻ em > 12 tuổi</td><td>60mg x 2 lần/ngày hoặc 180mg/lần/ngày</td><td>2 gói x 2 lần/ngày hoặc 6 gói/lần/ngày</td></tr><tr><td>Trẻ em từ 2-11 tuổi</td><td>30mg x 2 lần/ngày</td><td>1 gói x 2 lần/ngày</td></tr><tr><td colspan="3">Mày đay mạn tính vô căn</td></tr><tr><td>Người lớn và trẻ em > 12 tuổi</td><td>60mg x 2 lần/ngày hoặc 180mg/lần/ngày</td><td>2 gói x 2 lần/ngày hoặc 6 gói/lần/ngày</td></tr><tr><td>Trẻ em từ 2-11 tuổi</td><td>30mg x 2 lần/ngày</td><td>1 gói x 2 lần/ngày</td></tr><tr><td>Trẻ em từ 6 tháng đến 2 tuổi</td><td>15mg x 2 lần/ngày</td><td></td></tr><tr><td colspan="3">Người già và suy thận</td></tr><tr><td>Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và người lớn bị suy thận, người già</td><td>Bắt đầu liều 60mg/lần/ngày điều chỉnh liều theo chức năng thận</td><td>Bắt đầu liều 2 gói/lần/ngày điều chỉnh liều theo chức năng thận</td></tr><tr><td>Trẻ em từ 2-11 tuổi bị suy thận</td><td>30mg/lần/ngày</td><td>1 gói/lần/ngày</td></tr><tr><td>Trẻ em từ 6 tháng- 2 tuổi bị suy thận</td><td>15mg/lần/ngày</td><td></td></tr></table>	Tuổi	Liều dùng theo mg	Liều dùng theo gói 5ml	Viêm mũi dị ứng			Người lớn và trẻ em > 12 tuổi	60mg x 2 lần/ngày hoặc 180mg/lần/ngày	2 gói x 2 lần/ngày hoặc 6 gói/lần/ngày	Trẻ em từ 2-11 tuổi	30mg x 2 lần/ngày	1 gói x 2 lần/ngày	Mày đay mạn tính vô căn			Người lớn và trẻ em > 12 tuổi	60mg x 2 lần/ngày hoặc 180mg/lần/ngày	2 gói x 2 lần/ngày hoặc 6 gói/lần/ngày	Trẻ em từ 2-11 tuổi	30mg x 2 lần/ngày	1 gói x 2 lần/ngày	Trẻ em từ 6 tháng đến 2 tuổi	15mg x 2 lần/ngày		Người già và suy thận			Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và người lớn bị suy thận, người già	Bắt đầu liều 60mg/lần/ngày điều chỉnh liều theo chức năng thận	Bắt đầu liều 2 gói/lần/ngày điều chỉnh liều theo chức năng thận	Trẻ em từ 2-11 tuổi bị suy thận	30mg/lần/ngày	1 gói/lần/ngày	Trẻ em từ 6 tháng- 2 tuổi bị suy thận	15mg/lần/ngày	
Tuổi	Liều dùng theo mg	Liều dùng theo gói 5ml																																								
Viêm mũi dị ứng																																										
Người lớn và trẻ em > 12 tuổi	60mg x 2 lần/ngày hoặc 180mg/lần/ngày	2 gói x 2 lần/ngày hoặc 6 gói/lần/ngày																																								
Trẻ em từ 2-11 tuổi	30mg x 2 lần/ngày	1 gói x 2 lần/ngày																																								
Mày đay mạn tính vô căn																																										
Người lớn và trẻ em > 12 tuổi	60mg x 2 lần/ngày hoặc 180mg/lần/ngày	2 gói x 2 lần/ngày hoặc 6 gói/lần/ngày																																								
Trẻ em từ 2-11 tuổi	30mg x 2 lần/ngày	1 gói x 2 lần/ngày																																								
Trẻ em từ 6 tháng đến 2 tuổi	15mg x 2 lần/ngày																																									
Người già và suy thận																																										
Trẻ em từ 12 tuổi trở lên và người lớn bị suy thận, người già	Bắt đầu liều 60mg/lần/ngày điều chỉnh liều theo chức năng thận	Bắt đầu liều 2 gói/lần/ngày điều chỉnh liều theo chức năng thận																																								
Trẻ em từ 2-11 tuổi bị suy thận	30mg/lần/ngày	1 gói/lần/ngày																																								
Trẻ em từ 6 tháng- 2 tuổi bị suy thận	15mg/lần/ngày																																									
10	Ketotifen (dưới dạng ketotifen fumarat)-1mg	Ketosan-Cap	viên	- Điều trị các bệnh dị ứng + Viêm mũi. + Viêm kết mạc. - Điều trị dự phòng bệnh hen, có thể mất vài tuần để đạt được đầy đủ hiệu quả. - Điều trị cơn hen cấp.	- Những trường hợp giảm tiểu cầu khi dùng ketotifen đồng thời với các thuốc điều trị tiểu đường uống. - Phụ nữ có thai hoặc có kết hoạch mang thai, phụ nữ cho con bú.	*Cách dùng: Uống với một ít nước. Nên sử dụng chung với thức ăn. *Liều dùng: - Người lớn: 1mg x 2 lần/ngày. Nếu cần liều có thể tăng 2mg x 2 lần/ngày. - Trẻ em > 3 tuổi: 1mg x 2 lần/ngày. Trẻ em < 3 tuổi không sử dụng.																																				

Stt	Tên hoạt chất/thành phần được liệu - Nồng độ - Hàm lượng	Tên thương mại	Đơn vị tính	Chỉ định	Chống chỉ định	Cách dùng-Liệu dùng																		
11	Levocetirizine dihydrochloride-5mg	Clanzen	Viên	Điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị (viêm mũi dị ứng dai dẳng) và mày đay ở người lớn và trẻ em từ 6 tuổi trở lên.	Suy thận nặng có độ thanh thải creatinin < 10ml/phút.	*Cách dùng: Uống nguyên viên cùng với chất lỏng và có thể uống cùng hoặc không cùng với thức ăn. *Liều dùng: - Người lớn và trẻ em > 12 tuổi: Liều thông thường uống 1 viên/lần/ngày. - Liều điều chỉnh cho bệnh nhân suy thận. <table><tr><th>Nhóm</th><th>Độ thanh thải creatinin (ml/phút)</th><th>Liều lượng</th></tr><tr><td>Bình thường</td><td>≥ 80</td><td>1 viên/ngày</td></tr><tr><td>Nhẹ</td><td>50-79</td><td>1 viên/ngày</td></tr><tr><td>Trung bình</td><td>30-49</td><td>1 viên mỗi 2 ngày</td></tr><tr><td>Nặng</td><td>< 30</td><td>1 viên mỗi 3 ngày</td></tr><tr><td>Bệnh nhân giai đoạn cuối-bệnh nhân đang thẩm tách</td><td>< 10</td><td>Chống chỉ định</td></tr></table> - Trẻ em từ 6-12 tuổi: Liều khuyến cáo 1 viên/ngày. Trẻ em < 6 tuổi không phù hợp với dạng bào chế này.	Nhóm	Độ thanh thải creatinin (ml/phút)	Liều lượng	Bình thường	≥ 80	1 viên/ngày	Nhẹ	50-79	1 viên/ngày	Trung bình	30-49	1 viên mỗi 2 ngày	Nặng	< 30	1 viên mỗi 3 ngày	Bệnh nhân giai đoạn cuối-bệnh nhân đang thẩm tách	< 10	Chống chỉ định
Nhóm	Độ thanh thải creatinin (ml/phút)	Liều lượng																						
Bình thường	≥ 80	1 viên/ngày																						
Nhẹ	50-79	1 viên/ngày																						
Trung bình	30-49	1 viên mỗi 2 ngày																						
Nặng	< 30	1 viên mỗi 3 ngày																						
Bệnh nhân giai đoạn cuối-bệnh nhân đang thẩm tách	< 10	Chống chỉ định																						
12	Rupatadin (Dưới dạng Rupatadine fumarate)-10 mg	Atizidin 10 mg	Viên	Điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng nổi mày đay ở người lớn và trẻ em > 12 tuổi.		*Cách dùng: Uống mỗi ngày 1 lần, có thể uống cùng hoặc không cùng với thức ăn. *Liều dùng: - Người lớn và trẻ em > 12 tuổi: 1 viên/lần/ngày. - Trẻ em < 12 tuổi không khuyến cáo sử dụng.																		

Tài liệu tham khảo:
- Thông tin nhà sản xuất.

TRƯỞNG KHOA DƯỢC-VT-TBYT

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Công Trầm

Phan Ngọc Tuyền